

Số : 219/KH-THTĐ

Tân Đồng, ngày 27 tháng 08 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN ĐỒNG NĂM HỌC 2024 – 2025

Chủ đề năm học: “Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới không ngừng, nâng cao chất lượng Giáo dục”

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ Nghị quyết số 29 -NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

Căn cứ Công văn 3535/BGDĐT ngày 19/8/2019 về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm trong chương trình GDPT 2018;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 3214/SGDĐT-GDTHMN ngày 08/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025;

Thực hiện Công văn số 919/PGDĐT-TH ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Phòng GD&ĐT thành phố Đồng Xoài về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 cấp tiểu học;

Trường tiểu học Tân Đồng xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2024 - 2025

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa địa phương

Phường Tân Đồng nằm ở phía Đông Bắc thành phố Đồng Xoài, được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2000 theo Nghị định 90/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ. Phía Đông giáp suối Rạc (xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú); Phía Tây giáp đường Phú Riềng Đỏ; Phía Nam giáp Quốc lộ 14; Phía Bắc giáp xã Thuận phú, huyện Đồng Phú. Dân số 3176 hộ với 11.232 khẩu/05 khu dân cư; Dân tộc thiểu số: có 12 DTTS với 56 hộ = 110 khẩu. Tình hình an ninh, chính trị đảm bảo ổn định, quốc phòng được giữ vững công tác quản lý nhà nước và hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội ngày càng được nâng lên.

Đối với giáo dục cơ sở vật chất đã được cải thiện khá nhiều với 100% số phòng học là phòng cấp 4 trở lên. Sự nghiệp giáo dục địa phương đã có những bước phát triển và đạt được một số kết quả khá khả quan: Số giáo viên đảm bảo chất lượng, 100% giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, chất lượng học sinh ngày càng đi lên. Tỷ lệ đạt chuẩn về phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS ngày càng nâng cao. Số người mù chữ 15-35 tuổi ngày càng giảm, công tác chống tái mù chữ được đẩy mạnh. Bên cạnh đó công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi là một chủ trương lớn của Đảng và nhà nước đã được Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN phường rất quan tâm chỉ đạo ngành giáo dục phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể của phường thực hiện tốt kế hoạch đề ra. Tập trung chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường.

Trường nằm ở trung tâm phường Tân Đồng với địa thế, cảnh quan, khuôn viên đẹp, được xây dựng khang trang rộng rãi, vệ sinh môi trường sạch sẽ. Nhà trường luôn đón nhận được sự quan tâm của các cấp, các ngành, các bậc CMHS. Đây là điều kiện rất thuận lợi cho việc dạy và học đạt kết quả cao. Địa điểm trường đặt tại khu phố 3 phường Tân Đồng, phía Đông giáp đường Nguyễn Khuyến, phía Tây giáp đường Ông Ích Khiêm, phía Nam giáp đường Huỳnh Khương Ninh và phía Bắc giáp đường Nguyễn Trường Tộ. Nhìn chung, địa điểm xây dựng trường đảm bảo môi trường giáo dục, an toàn cho người học, người dạy và người lao động.

- Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo các cấp và Phòng Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy, chính quyền địa phương, sự hỗ trợ nhiệt tình của các ban ngành, đoàn thể, các cơ quan đóng trên địa bàn phường, các tổ chức xã hội giúp cho Nhà trường có điều kiện thuận lợi để tổ chức các hoạt động giảng dạy và giáo dục.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có tinh thần trách nhiệm trong công việc, yêu nghề, ý thức tổ chức kỷ luật cao, có ý thức học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, 100% giáo viên đạt chuẩn.

- Kinh tế xã hội ở địa phương phát triển ổn định, đời sống người dân được nâng cao hơn trước, phần lớn cha mẹ học sinh đều quan tâm đến việc học tập của con cái, luôn hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Trong năm học này, biên chế giáo viên dạy lớp thiếu 4 GV, sĩ số học sinh khá đông nên phần nào ảnh hưởng đến chất lượng chung. Một số giáo viên đã lớn tuổi nên việc tiếp cận với phương pháp dạy học mới còn khó khăn, kỹ năng sử dụng các thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin còn chậm.

2.1. Đặc điểm học sinh nhà trường.

Năm học 2024 - 2025, trường tiểu học Tân Đồng có tổng số lớp: 31 lớp/1174 học sinh/557 nữ, 58 dân tộc/28 nữ dân tộc, bình quân 37.8 học sinh/1 lớp. Trong đó:

- Lớp học 2 buổi: 31 lớp/1174 học sinh/557 nữ, 58 dân tộc/28 nữ dân tộc. So với cuối năm học 2023-2024: tăng 01 lớp/13 học sinh/-4 nữ; So với kế hoạch năm học 2024-2025 đã duyệt vào tháng 3: tổng số lớp không thay đổi, số học sinh tăng 13 học sinh.

- Lớp học bán trú: 31 lớp/1071 học sinh. So với kế hoạch năm học 2024-2025 đã duyệt vào tháng 3: số học sinh giảm 26 học sinh. **(kèm theo biểu mẫu 1)**

- Huy động học sinh 6 tuổi trên địa bàn vào học lớp 1 đạt tỷ lệ 100% . Cụ thể:

+ Tổng số học sinh 6 tuổi trên địa bàn phường: 234; kế hoạch giao là: 220

+ Học sinh 6 tuổi trên địa bàn học lớp 1 tại địa bàn: 192/234 trẻ 6 tuổi trên địa bàn, đạt tỉ lệ 82.05% (1)

+ Học sinh 6 tuổi trên địa bàn học lớp 1 tại địa bàn khác: 42/234 trẻ 6 tuổi trên địa bàn, tỉ lệ 17.95% (2)

+ Tổng số học sinh 6 tuổi trên địa bàn học lớp 1 tại địa bàn và địa bàn khác: (1) + (2) 234/234 trẻ 6 tuổi trên địa bàn, đạt tỉ lệ: 100 %.

+ Tổng số học sinh 6 tuổi địa bàn khác học trên địa bàn: 35 HS.

+ Số học sinh bỏ học được huy động ra lớp trở lại: không có

+ Dự báo số học sinh bỏ học: Không có.

(kèm theo biểu mẫu 2)

*** Điểm mạnh:**

Nhà trường luôn quan tâm làm tốt công tác huy động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số học sinh, thực hiện tốt công tác tuyển sinh đầu cấp.

Học sinh đa số chăm ngoan, tích cực thực hiện tốt các quy định, nội quy của nhà trường, có ý thức bảo vệ của công, chủ động tham gia các hoạt động của trường, liên đội.

*** Điểm yếu**

- Dân số cơ học tăng nhanh, dân nhập cư từ các tỉnh thành khác về đông làm khó khăn về trường lớp. Sĩ số học sinh trên lớp khá đông nên chỗ ngồi chật, việc thực hiện giảng dạy theo hướng đổi mới gặp không ít khó khăn.

- Một số học sinh khả năng nhận thức hạn chế, tự ti, khó nhớ mau quên, khả năng hợp tác với GV rất hạn chế làm ảnh hưởng đến chất lượng học tập.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý nhà trường

Tổng số CB-GV-NV: 53/49 nữ. Trong đó: BGH: 3/2 nữ; Giáo viên đứng lớp: 42/41 nữ; Giáo viên chuyên trách: 02/1 nữ (PCGD: 1 và TPT: 1) Nhân viên: 6/4 nữ.

Về trình độ chuyên môn: ĐH: 48; CĐ: 1(Y tế); TC: 1 (VT) Trình độ Tin học: ĐH:1; Chứng chỉ A: 18; Chứng chỉ B: 29; Trình độ ngoại ngữ (Anh văn): Chứng chỉ A: 13; Chứng chỉ B: 32; B2:2; Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp: 05; sơ cấp: 03 và tương đương: 31. Số lượng đảng viên là 29 đ/c đạt tỷ lệ 54.7%. Trong đó có 1 đảng viên dự bị.

Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường: 25 GV/30 GV, tỉ lệ: 83.3%, cấp thành phố: 7GV, đạt tỉ lệ giao: 100%; cấp tỉnh 6GV, đạt tỉ lệ giao:100% (*kèm theo biểu mẫu 3,4,5*)

*** Điểm mạnh**

- CB-GV-NV luôn có tư tưởng chính trị vững vàng, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, yên tâm trong công tác. Quán triệt và triển khai đầy đủ các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của nhà trường đến mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên. Triển khai, thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo về công tác phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội; thực hiện tốt phòng chống dịch bệnh, thiên tai.

- Tổ chức học tập và thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Hai không” của Bộ Giáo dục & Đào tạo với 4 nội dung: “nói không với tiêu cực trong thi cử, bệnh thành tích trong giáo dục, nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và tình trạng học sinh ngồi nhầm lớp khắc phục bệnh thành tích”. Đề cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức kỷ luật. Phòng chống suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Thực hiện tốt quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục trên khung chương trình giáo dục của Bộ giáo dục. Tăng cường nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường. Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật, phương pháp giáo dục tích cực; Thực hiện đổi mới chương trình giáo dục, công tác kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục. Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, đổi mới sinh hoạt tổ/ nhóm chuyên môn để nâng cao chất lượng đội ngũ.

*** Điểm yếu**

Một số giáo viên đã lớn tuổi nên việc tiếp cận với phương pháp dạy học mới còn khó khăn, kỹ năng sử dụng các thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin còn chậm.

2.3. Về cơ sở vật chất.

- Tổng số phòng học: 34 phòng. Trong đó có: 34 phòng kiên cố, 31 phòng học cho lớp 2 buổi/ngày.

- Số bàn ghế 2 chỗ ngồi theo quy định: 550 bộ. Cần bổ sung thay thế: 50 bộ.

- Số bảng chống loá: 33 bảng/33 phòng. Cần bổ sung thay thế 5 cái

- Số ti vi: 34 cái/34 phòng. Cần bổ sung thay thế 5 ti vi
- Khối phòng, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học (Theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT) đã có: 7; Còn thiếu: 05.
- Khu vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác: đầy đủ theo yêu cầu, phục vụ hiệu quả cho học sinh và cán bộ, GV, NV của nhà trường.
- Sách, báo và tài liệu tham khảo đã có đầy đủ theo quy định. Cần bổ sung một số sách tham khảo mới phục vụ cho việc dạy và học.
- Các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đã có đầy đủ theo quy định. Cần bổ sung một số thiết bị mới phục vụ cho việc dạy và học.
- Việc sử dụng thiết bị dạy học trong các giờ lên lớp và tự làm một số đồ dùng dạy học được giáo viên quan tâm thực hiện thường xuyên trong các tiết học. **(kèm theo biểu mẫu 6,7)**

*** Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng hiệu quả các phòng học văn hoá, phòng bộ môn, nhà vệ sinh, nhà ăn, nhà bếp và công trình nước sạch, các thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có.

*** Điểm yếu**

Phòng bộ môn chưa đủ đáp ứng nhu cầu dạy học thực tế. Bàn ghế học sinh hư hỏng nhiều, thiết bị máy móc phòng tin học dùng cho học sinh hư hỏng nặng, đa số đã hết hạn sử dụng.

Khu nhà vệ sinh ở dãy A và B của học sinh đã xuống cấp, sân trường chưa đủ mát, nền sân đã xuống cấp, nhiều chỗ bong tróc.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2024 - 2025

1. Mục tiêu chung

1.1. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; tăng cường bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định và phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

1.2. Chú trọng thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp và đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

1.3. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để có đủ giáo viên, bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp.

1.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong nhà trường.

1.5. Tiếp tục thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

2. Chỉ tiêu cụ thể:

2.1. Kết quả giáo dục:

Khối	TSHS	TSHS ĐG chung	TSHS KTĐG riêng	Hoàn thành xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	233	232	1	97	41.6	53	22.7	71	30.5	6	2.6
2	182	181	1	74	40.7	44	24.2	64	35.2	0	0.0
3	244	242	2	97	39.8	64	26.2	83	34.0	0	0.0
4	263	261	2	79	30.0	92	35.0	92	35.0	0	0.0
5	252	247	5	91	36.1	75	29.8	86	34.1	0	0.0
Cộng	1174	1163	11	438	37.3	328	27.9	396	33.7	6	0.5

- *Toàn trường*: 99.5% trở lên HS hoàn thành CTLH.

- *Khen thưởng cuối năm học*:

Khối	TSHS	Khen cuối năm học				Khen đột xuất		Khen thành tích đặc biệt		Gửi thư khen	
		HS xuất sắc		HS tiêu biểu							
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	233	97	41.6	53	22.7	0	0.0	0	0.0	0	0.0
2	182	74	40.7	45	24.7	0	0.0	0	0.0	0	0.0
3	244	96	39.3	65	26.6	0	0.0	0	0.0	0	0.0
4	263	79	30.0	92	35.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
5	252	91	36.1	75	29.8	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Cộng	1174	437	37.2	330	28.1	0	0.0	0	0.0	0	0.0

2.2. Phẩm chất và năng lực:

- 100% học sinh có phẩm chất tốt, biết kính trọng thầy cô, người lớn tuổi; biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè; biết giữ gìn môi trường, bảo vệ của công và có kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt.

- 100% học sinh được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

+ 100% học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, biết giao tiếp có văn hóa, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội.

- **Chỉ tiêu mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực:**

Mức độ hình thành và phát triển		Khối	TSHS	Học sinh toàn trường						Trong đó HS khuyết tật đánh giá riêng								
				TSHS ĐG chung	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		TSH S KT ĐG riêng	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
					TS	%	TS	%	T S	%		TS	%	TS	%	T S	%	
Phẩm chất	Yêu nước	1	233	232	194	83,3	38	16,3	0	0,0	1	0	0,0	1	0,4	0	0,0	
		2	182	181	169	92,9	12	6,6	0	0,0	1	1	0,5		0,0	0	0,0	
		3	244	242	226	93,0	16	6,6	0	0,0	2	0	0,0	2	0,0	0	0,0	
		4	263	261	213	81,0	48	18,3	0	0,0	2	1	0,4	1	0,4	0	0,0	
		5	252	247	208	82,5	39	15,5	0	0,0	5		0,0	5	2,0		0,0	
		Cộng	1174	1163	1010	86,0	153	13,0	0	0,0	11	2	0,2	9	0,8	0	0,0	
	Nhân ái	1	233	232	179	76,8	53	22,7	0	0,0	1	0	0,0	1	0,4	0	0,0	
		2	182	181	163	89,6	18	9,9	0	0,0	1	1	0,5		0,0	0	0,0	
		3	244	242	211	86,5	31	12,7	0	0,0	2	0	0,0	2	0,0	0	0,0	
		4	263	261	217	82,5	44	16,7	0	0,0	2	1	0,4	1	0,4	0	0,0	
		5	252	247	201	79,8	46	18,3	0	0,0	5		0,0	5	2,0		0,0	
		Cộng	1174	1163	971	82,7	192	16,4	0	0,0	11	2	0,2	9	0,8	0	0,0	
	Chăm chỉ	1	233	232	154	66,1	72	30,9	6	2,6	1	0	0,0	1	0,4	0	0,0	
		2	182	181	141	77,5	40	22,0	0	0,0	1	0	0,0	1	0,5	0	0,0	
		3	244	242	153	62,7	80	32,8	0	0,0	2	0	0,0	2	0,0	0	0,0	
		4	263	261	205	77,9	56	21,3	0	0,0	2	1	0,4	1	0,4	0	0,0	
		5	252	247	177	70,2	70	27,8	0	0,0	5		0,0	5	2,0		0,0	
		Cộng	1174	1163	830	70,7	318	27,1	6	0,5	11	1	0,1	10	0,9	0	0,0	
	Trung thực	1	233	232	186	79,8	46	19,7	0	0,0	1	0	0,0	1	0,4	0	0,0	
		2	182	181	157	86,3	24	13,2	0	0,0	1	0	0,0	1	0,5	0	0,0	
		3	244	242	197	80,7	45	18,4	0	0,0	2	0	0,0	2	0,0	0	0,0	
		4	263	261	216	82,1	45	17,1	0	0,0	2	1	0,4	1	0,4	0	0,0	
		5	252	247	210	83,3		0,0	37	14,7	5		0,0	5	2,0		0,0	
		Cộng	1174	1163	966	82,3	160	13,6	37	3,2	11	1	0,1	10	0,9	0	0,0	
	Trách nhiệm	1	233	232	162	69,5	64	27,5	6	2,6	1	0	0,0	1	0,4	0	0,0	
		2	182	181	141	77,5	40	22,0	0	0,0	1	0	0,0	1	0,5	0	0,0	
		3	244	242	165	67,6	77	31,6	0	0,0	2	0	0,0	2	0,0	0	0,0	
		4	263	261	211	80,2	50	19,0	0	0,0	2	2	0,8	0	0,0	0	0,0	
		5	252	247	190	75,4	57	22,6	0	0,0	5		0,0	5	2,0		0,0	
		Cộng	1174	1163	869	74,0	288	24,5	6	0,5	11	2	0,2	9	0,8	0	0,0	
Năng lực	Năng lực chung	Tự chủ và tự học	1	233	232	157	67,4	69	29,6	6	2,6	1	0	0,0	1	0,4	0	0,0
			2	182	181	132	72,5	49	26,9	0	0,0	1	0	0,0	1	0,5	0	0,0
			3	244	242	162	66,4	80	30,3	0	0,0	2	0	0,0	2	0,0	0	0,0
			4	263	261	196	74,5	65	24,7	0	0,0	2	1	0,4	1	0,4	0	0,0
			5	252	247	186	73,8	61	24,2	0	0,0	5		0,0	5	2,0		0,0
			Cộng	1174	1163	833	71,0	324	27,6	6	0,5	11	1	0,1	10	0,9	0	0,0
		Giao tiếp và hợp tác	1	233	232	162	69,5	64	27,5	6	2,6	1	0	0,0	1	0,4	0	0,0
			2	182	181	135	74,2	46	25,3	0	0,0	1	0	0,0	1	0,5	0	0,0
			3	244	242	164	67,2	78	32,0	0	0,0	2	0	0,0	2	0,0	0	0,0
			4	263	261	195	74,1	66	25,1	0	0,0	2	2	0,8	0	0,0	0	0,0
			5	252	247	192	76,2	55	21,8	0	0,0	5		0,0	5	2,0		0,0
			Cộng	1174	1163	848	72,2	309	26,3	6	0,5	11	2	0,2	9	0,8	0	0,0
	Đ và sáng	1	233	232	152	65,2	74	31,8	6	2,6	1	0	0,0	1	0,4	0	0,0	
		2	182	181	126	69,2	55	30,2	0	0,0	1	0	0,0	1	0,5	0	0,0	

Năng lực đặc thù			3	244	242	161	66,0	81	33,2	0	0,0	2	0	0,0	2	0,8	0	0,0
			4	263	261	187	71,1	74	28,1	0	0,0	2	1	0,4	1	0,4	0	0,0
			5	252	247	166	65,9	81	32,1	0	0,0	5		0,0	5	2,0		0,0
			Cộng	1174	1163	792	67,5	365	31,1	6	0,5	11	1	0,1	10	0,9	0	0,0
	Ngôn ngữ	1	233	232	167	71,7	59	25,3	6	2,6	1	0	0,0	1	0,4	0	0,0	
		2	182	181	144	79,1	37	20,3	0	0,0	1	0	0,0	1	0,5	0	0,0	
		3	244	242	160	65,6	82	33,6	0	0,0	2	0	0,0	2	0,8	0	0,0	
		4	263	261	200	76,0	61	23,2	0	0,0	2	2	0,8	0	0,0	0	0,0	
		5	252	247	188	74,6	59	23,4	0	0,0	5		0,0	5	2,0		0,0	
		Cộng	1174	1163	859	73,2	298	25,4	6	0,5	11	2	0,2	9	0,8	0	0,0	
	Tinh toán	1	233	232	169	72,5	57	24,5	6	2,6	1	0	0,0	1	0,4	0	0,0	
		2	182	181	138	75,8	43	23,6	0	0,0	1	0	0,0	1	0,5	0	0,0	
		3	244	242	161	66,0	81	33,2	0	0,0	2	0	0,0	2	0,8	0	0,0	
		4	263	261	196	74,5	65	24,7	0	0,0	2	1	0,4	1	0,4	0	0,0	
		5	252	247	176	69,8	71	28,2	0	0,0	5		0,0	5	2,0		0,0	
		Cộng	1174	1163	840	71,6	317	27,0	6	0,5	11	1	0,1	10	0,9	0	0,0	
	Khoa học	1	233	232	153	65,7	74	31,8	5	2,1	1	0	0,0	1	0,4	0	0,0	
		2	182	181	135	74,2	46	25,3	0	0,0	1	0	0,0	1	0,5	0	0,0	
		3	244	242	161	66,0	81	33,2	0	0,0	2	0	0,0	2	0,8	0	0,0	
		4	263	261	195	74,1	66	25,1	0	0,0	2	1	0,4	1	0,4	0	0,0	
		5	252	247	188	74,6	59	23,4		0,0	5		0,0	5	2,0		0,0	
		Cộng	1174	1163	832	70,9	326	27,8	5	0,4	11	1	0,1	10	0,9	0	0,0	
	Thẩm mỹ	1	233	232	161	69,1	66	28,3	5	2,1	1	0	0,0	1	0,4	0	0,0	
		2	182	181	135	74,2	46	25,3	0	0,0	1	0	0,0	1	0,5	0	0,0	
		3	244	242	161	66,0	81	33,2	0	0,0	2	0	0,0	2	0,8	0	0,0	
		4	263	261	201	76,4	60	22,8	0	0,0	2	0	0,0	2	0,8	0	0,0	
		5	252	247	184	73,0	63	25,0		0,0	5		0,0	5	2,0		0,0	
		Cộng	1174	1163	842	71,7	316	26,9	5	0,4	11	0	0,0	11	0,9	0	0,0	
	Thể chất	1	233	232	161	69,1	67	28,8	4	1,7	1	0	0,0	1	0,4	0	0,0	
		2	182	181	145	79,7	36	19,8	0	0,0	1	0	0,0	1	0,5	0	0,0	
		3	244	242	163	66,8	79	32,4	0	0,0	2	0	0,0	2	0,8	0	0,0	
		4	263	261	211	80,2	50	19,0	0	0,0	2	2	0,8	0	0,0	0	0,0	
		5	252	247	189	75,0	58	23,0		0,0	5		0,0	5	2,0		0,0	
		Cộng	1174	1163	869	74,0	290	24,7	4	0,3	11	2	0,2	9	0,8	0	0,0	

2.3. Các phong trào hội thi:

- Cuộc thi hùng biện Tiếng Anh cấp thành phố: Cấp trường 15 giải cá nhân, tham gia cấp thành phố đủ các nội dung phần đầu đạt giải.

- Hội thi robotis cấp thành phố: Cấp trường 13 giải cá nhân, tham gia cấp thành phố đủ các nội dung theo quy định phần đầu đạt giải toàn đoàn.

- Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên: Tổ chức cuộc thi cấp trường trao 5 giải, tham gia cấp thành phố có sản phẩm vào chung khảo và dự thi cấp tỉnh 1.

- Hội khoẻ phù đồng: Tổ chức HKPD cấp trường, trao giải tất cả các nội dung môn thi đấu, mỗi nội dung môn thi từ 3- 5 giải. Tham gia cấp thành phố đủ các nội dung theo kế hoạch, điều lệ, phần đầu đạt giải toàn đoàn.

- Kể chuyện theo sách: Cấp trường 25 giải cá nhân, tham gia cấp thành phố đủ các nội dung phần đầu đạt giải Ba toàn đoàn.

- Cuộc thi Vyolympic, IOE các cấp: khuyến khích HS tham gia đủ các môn, đạt giải ở các cấp.

- Cuộc thi Vẽ tranh về thành phố Đồng Xoài nhân dịp Kỷ niệm 50 năm thành lập Đồng Xoài: Tổ chức cấp trường trao 42 giải, tham gia cấp thành phố theo KH chung của PGD.

- Hoàn thành tốt các phong trào thi đua khác trong năm.

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học:

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án tổ chức dạy học linh hoạt, phù hợp với học sinh và điều kiện thực tiễn, đề phòng trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại địa phương, nhà trường trên cơ sở đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm từ các năm học trước. Kiểm tra, rà soát, đánh giá lại chất lượng các công trình trường học, lập kế hoạch và thực hiện việc bảo trì công trình theo quy định; không đưa vào sử dụng các công trình đã hết niên hạn sử dụng, không bảo đảm an toàn theo quy định khi chưa được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp.

Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

2.1 Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học

Nhà trường tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo quy định; bố trí thời gian thực hiện chương trình hiệu quả bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh, bảo đảm cuối năm học học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.

2.2. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Nhà trường thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn về giáo dục tiểu học đã được Bộ GDĐT, Sở GDĐT và Phòng GDĐT ban hành, cụ thể:

- Bảo đảm tỷ lệ 01 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; bảo đảm tỷ lệ 1,5 giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học, hoạt động giáo dục và tổ chức dạy học hai buổi/ngày theo quy định.

- Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học 10 buổi/tuần với 32 tiết/tuần; kế hoạch giáo dục bảo đảm phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; thời khóa biểu cần được sắp xếp một cách khoa học, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế, trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và theo các quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý; các hoạt động bán trú được tổ chức trong khoảng thời gian từ sau giờ học buổi sáng đến trước khi bắt đầu giờ học buổi chiều, thông qua hoạt động bán trú góp phần rèn luyện học sinh về kỹ năng sống, đạo đức, tính kỷ luật, tự phục vụ, trách nhiệm, chia sẻ, yêu thương; việc tổ chức hoạt động bán trú cần linh hoạt, có thể bao gồm các hoạt động: tổ chức ăn trưa, ngủ trưa, vui chơi, giải trí,...cho học sinh; tổ chức ăn trưa, bán trú phải bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe cho học sinh.

- Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà; căn cứ vào nhu cầu, sở thích của học sinh, có thể tổ chức các hoạt động dưới hình thức sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập, ...) tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí. Thành lập ít nhất 3 câu lạc bộ, bao gồm: Câu lạc bộ bóng đá, Câu lạc bộ Vivonam, Câu lạc bộ tiếng Anh.

2.3. Tổ chức dạy học Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình cấp tiểu học

*) Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh (Ngoại ngữ 1)

- Đối với lớp 1 và lớp 2: Triển khai Chương trình môn tiếng Anh tự chọn bảo đảm các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Khi triển khai dạy học tự chọn Ngoại ngữ 1 ở lớp 1, lớp 2 cần chú ý bảo đảm tính liên thông với môn ngoại ngữ thực hiện bắt buộc từ lớp 3; thời lượng dạy học là 1 tiết/tuần phù hợp với hình thức học làm quen ban đầu, không gây quá tải cho học sinh; thực hiện kiểm tra đánh giá, trong đó chú trọng đánh giá thường xuyên để hỗ trợ học tập, không dùng kết quả đánh giá để xét lên lớp.

- Đối với lớp 3,4 và lớp 5: triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn ngoại ngữ bắt buộc; lựa chọn môn Tiếng Anh đã có đủ điều kiện triển khai (đã được Bộ GDĐT phê duyệt danh mục SGK) phù hợp với khả năng tổ chức của nhà trường, nhu cầu học sinh và của cha mẹ học sinh, bảo đảm tính liên thông và theo các yêu cầu được quy định trong chương trình môn ngoại ngữ và các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT.

- Triển khai sử dụng Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học theo Kế hoạch số 160/KH-BGDĐT bảo đảm chất lượng, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng đáp ứng của địa phương.

- Tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh học ngoại ngữ qua truyền hình, các phương tiện truyền thông, các nguồn học liệu phù hợp khác. Đẩy mạnh thực hành ngoại ngữ qua các hoạt động như đọc truyện, hoạt động trải nghiệm, hoạt động tạo môi trường ngoại ngữ ngoài lớp học, các sân chơi, giao lưu cho học sinh.

*) Tổ chức dạy học môn Tin học

- Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4 và lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Tin học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ GDĐT16. Căn cứ vào điều kiện thực tế, đội ngũ giáo viên, linh hoạt các giải pháp tăng cường hoạt động giáo dục Tin học và giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh lớp 1, lớp 2 để thực hiện “hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số” đồng thời làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3, lớp 4, lớp 5. Đối với lớp 3, lớp 4, lớp 5 tăng cường thời lượng, nội dung theo từng chủ đề, mạch kiến thức nhằm củng cố, khắc sâu các kiến thức trong môn Tin học đồng thời tạo điều kiện để học sinh được nghiên cứu, tìm hiểu, khám phá, mở rộng kiến thức Tin học, phát triển năng lực Tin học.

- Tổ chức tập huấn, xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng công dân số theo Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT.

2.4. Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông

Đẩy mạnh việc quán triệt, hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương; thực hiện hiệu quả công tác tập huấn giúp giáo viên xác định được cách thức xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương bảo đảm quy định theo Chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với đặc thù của môn học, cấp học, lớp học.

2.5. Triển khai giáo dục STEM

Tổ chức thực hiện giáo dục STEM tiếp cận theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT với những yêu cầu cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục STEM đại trà ở tất cả các khối lớp, tổ chức tập huấn, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, tổ chức hội nghị chuyên đề, đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm theo hướng dẫn của Phòng GDĐT.

- Tăng cường công tác tham mưu bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong các cơ sở giáo dục tiểu học phù hợp với điều kiện của địa phương theo quy định; thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh về vai trò của giáo dục STEM. Trong quá trình triển khai thực hiện tại trường cần hướng dẫn giáo viên sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định.

2.6. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá.

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức

thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học²³; nâng cao chất lượng và thực chất trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm tạo thuận lợi cho quá trình triển khai hiệu quả phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học, học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy và thực hiện tiến trình dạy học mỗi bài học thành các hoạt động học với sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành; cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh; tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung của Bộ GDĐT²⁴ để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên. Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của các cấp theo lộ trình, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

b) Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá:

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT²⁵; bảo đảm phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Các nhà trường cần xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội. Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn các giáo viên về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề và tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022.

2.7. Xây dựng kế hoạch bơi và phòng chống đuối nước cho học sinh:

- Căn cứ Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 30/5/2024 của UBND thành phố Đồng Xoài về Kế hoạch tổ chức lớp phổ cập bơi và phòng chống đuối nước cho học sinh các Trường Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố năm 2024 và công văn số 1043/ PGDĐT-TH ngày 09/9/2024 về việc Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền vận động công tác phổ cập bơi và phòng chống đuối nước cho học sinh năm học 2024-2025. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch bơi và phòng chống đuối nước cho học sinh năm học 2024

- 2025, triển khai kế hoạch đến toàn thể các lớp, tổ chức cho CMHS từng lớp cam kết cho con tham gia học bơi trong năm 2024 – 2025.

- Chỉ tiêu: Phần đầu đến hết năm học 2024-2025 tỷ lệ học sinh biết bơi đạt tối thiểu 75%.

3. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (kèm Phụ lục 1.1)

4. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học:

4.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (kèm Phụ lục 1.2)

4.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính khóa trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường (đính kèm Phụ lục 1.3)

5. Khung thời gian thực hiện chương trình, năm học 2024-2025

Thực hiện Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước.

- Ngày tựu trường: Lớp 2-5 ngày 26/8/2024; lớp 1 là ngày 19/8/2024

- Ngày khai giảng: ngày 05/9/2024.

- Học kì I: bắt đầu từ ngày 05/09/2024 đến hết ngày 10/01/2025 (18 tuần thực học).

- Học kì II: bắt đầu từ ngày 13/01/2025 đến hết ngày 23/5/2025: 17 tuần thực học, thời gian nghỉ Tết Nguyên đán (từ 20/01/2025 đến hết 31/01/2025);

Từ 26/5/2025 đến 29/5/2025: dạy bù, hoàn thành hồ sơ sổ sách và chuẩn bị tổng kết năm học.

Tổng kết năm học: Ngày 30/5/2025.

Tại trường Tiểu học Tân Đồng thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

5.1. Đối với khối lớp 1

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (đính kèm Phụ lục 1.4)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 (đính kèm Phụ lục 2)

5.2. Đối với khối lớp 2 (thực hiện tương tự như đối với khối lớp 1)

5.3. Đối với khối lớp 3 (thực hiện tương tự như đối với khối lớp 1)

5.4. Đối với khối lớp 4 (thực hiện tương tự như đối với khối lớp 1)

5.5. Đối với khối lớp 5 (thực hiện tương tự như đối với khối lớp 1)

V. Giải pháp thực hiện:

1. Về cơ sở vật chất:

1.1. Chỉ tiêu:

- Bổ sung: 05 phòng học; 5 phòng bộ môn.

- Bổ sung bàn ghế 2 chỗ ngồi: 100 bộ.
- Bổ sung khối phòng, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học: 5 phòng.
- Xây mới thay thế khu vệ sinh dãy A,B, nâng cấp nhà để xe.
- Bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo: Theo kế hoạch của bộ phận.
- Bổ sung các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu thực hiện chương trình GDPT cấp tiểu học.

1.2. Giải pháp

Tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện CTGDPT cấp tiểu học; thực hiện rà soát, dự báo quy mô phát triển giáo dục và tham mưu để xây dựng CSVCLP học phù hợp, thuận lợi, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; khắc phục tình trạng lớp có quy mô lớp học và sĩ số học sinh vượt quá quy định để thực hiện CTGDPT cấp học đáp ứng mục tiêu giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

2. Thực hiện công tác đội ngũ:

2.1. Chỉ tiêu phấn đấu:

- Tổng số CB-GV-NV: 53/49 nữ. Trong đó: BGH: 3/3 nữ; Giáo viên đứng lớp: 42/41 nữ; GV chuyên trách: 02; Nhân viên: 6/4 nữ.
- Năng lực của cán bộ quản lý: Đáp ứng theo yêu cầu công việc
- Trình độ đào tạo của giáo viên: Đạt chuẩn: 45 người/45 nữ, tỉ lệ: 100%;
- Đánh giá theo Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học (Loại xuất sắc 30 người/29 nữ, tỉ lệ: 63.8%; Loại khá: 17 người/16 nữ, tỉ lệ: 36.2%.
- Đánh giá viên chức: Chỉ tiêu: 20% viên chức được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 78% viên chức được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Giáo viên dạy giỏi cấp trường: trên 80%; Cấp thành phố: 20% tổng số GV toàn trường.
- Hội thi Sáng tạo kỹ thuật cấp thành phố: Tham gia 02 sản phẩm mô hình.
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên (Xếp loại giỏi: 30 người/ 29 nữ, tỉ lệ: 63.8%; Loại khá: 17 người/16 nữ, tỉ lệ: 36.2%).
- Số SKKN đăng ký viết trong năm của BGH, GV: cấp thành phố: 19 sáng kiến, cấp tỉnh: 1 sáng kiến.
- Số tiết dự giờ của BGH : Tùy tình hình thực tế của từng đơn vị, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có kế hoạch dự giờ giáo viên cho phù hợp nhằm thực hiện tốt công tác quản lý, chỉ đạo của nhà trường đồng thời giúp đội ngũ giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao chất lượng giảng dạy.
- Số tiết dự giờ của GV/năm: tối thiểu là 18 tiết (mỗi tháng từ 2 tiết trở lên)
- Số tiết tham gia thao giảng, hội giảng của giáo viên trong trường ít nhất là 4 tiết /năm/GV.
- Các chuyên đề, ngoại khóa mở trong năm: 4 chuyên đề
- Công tác dạy thêm, học thêm: Số giáo viên thực hiện nghiêm, tỷ lệ 100%;
- Số chuyên đề giới thiệu sách trong năm học: 8 lần.

2.2. Giải pháp

Thực hiện quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng bảo đảm thực chất, gắn với thi đua, khen thưởng để tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo gắn bó với nghề; tiếp tục rà soát chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo Luật Giáo dục năm 2019; rà soát công tác quản lý biên chế, tuyển dụng giáo viên theo chuẩn về trình độ đào tạo; bảo đảm số lượng, cơ cấu và chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Rà soát, tổng hợp và xây dựng kế hoạch theo lộ trình để thực hiện bồi dưỡng giáo viên tiểu học đạt chuẩn trình độ theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT ngày 25/8/2020 của Bộ GDĐT, Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

Rà soát cơ cấu đội ngũ giáo viên theo môn học, hoạt động giáo dục; xây dựng và thực hiện kế hoạch tham mưu tuyển dụng giáo viên bảo đảm số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu giáo viên, nhân viên, đối với các môn nhà trường còn thiếu giáo viên như Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ.

Tổ chức tốt việc bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp học gắn với thực tiễn của địa phương.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn.

Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn cho các giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp học phù hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị và xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường trong năm học. Thực hiện quy định của Bộ GDĐT về xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý cốt cán và giáo viên cốt cán các môn học để triển khai bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên đại trà theo phương thức bồi dưỡng qua mạng, thường xuyên, liên tục, ngay tại trường; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên trong tổ, nhóm chuyên môn tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

4. Thực hiện các phong trào thi đua.

4.1. Chỉ tiêu chung :

- Trường HTTNV, đề nghị UBND thành phố khen thưởng.
- Tổ được đề nghị khen: 2 tổ
- Tỷ lệ CB-GV-NV toàn trường đạt LĐTT: trên 95%
- Đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 15
- Đề nghị khen các cấp: Tất cả GV, NV đủ điều kiện

- Thư viện – Thiết bị: Xuất sắc
- Công tác PCGDTH: Duy trì và nâng cao tỷ lệ đạt chuẩn mức 3
- Đoàn - Đội: Mạnh
- Công đoàn: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Chi bộ : Hoàn thành nhiệm vụ
- Đơn vị: Đạt chuẩn văn hóa (Trường: “Sạch, xanh , sáng, đẹp, an toàn”; “nhà VS sạch, xanh, thân thiện”).

4.2. Giải pháp

Nhà trường tiếp tục đổi mới công tác quản lí, tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy, giáo dục học sinh, chú trọng bồi dưỡng chất lượng đội ngũ, thực hiện tốt các phong trào thi đua. Tạo môi trường làm việc, học tập thân thiện, thoải mái, trách nhiệm, kỷ luật trong tập thể đơn vị. Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, tạo động lực cho các thành viên tích cực phấn đấu.

Nội dung của các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành luôn gắn chặt với việc triển khai từng nhiệm vụ trong năm học. Các phong trào được thực hiện sáng tạo, tùy theo điều kiện thực tế để có những cải tiến thích hợp. Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; tạo cơ hội, động viên, khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục học tập và sáng tạo; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo, củng cố kết quả các cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, "Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo". Cán bộ - Giáo viên - Công nhân viên tự giác học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, có ý thức quyết tâm làm theo, không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức, năng lực, tạo uy tín để HS noi theo như: đảm bảo ngày giờ công, lên lớp đúng giờ, thực hiện đúng kế hoạch chương trình, không cắt tiết, bỏ giờ dạy các loại hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Thực hiện cuộc vận động “Hai không” với 4 nội dung “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục, nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và không để HS ngồi nhầm lớp”. Tuyên truyền vận động Cán bộ - Giáo viên - Công nhân viên thực hiện chủ đề: Nêu cao tinh thần trách nhiệm, chống chủ nghĩa cá nhân, nói đi đôi với làm.

5. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và đảm bảo hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

a) Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục

Nhà trường tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác phối hợp với các trung tâm học tập cộng đồng để tổ chức khai các giải pháp phù hợp khuyến khích đối tượng xóa mù chữ tham gia học tập; tăng cường công tác tập huấn, điều tra, phúc tra, nhập số liệu vào

hệ thống, hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ và thực hiện đúng quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trong đó tập trung mức độ đạt chuẩn gắn liền với các điều kiện bảo đảm nhằm tạo nền tảng củng cố, nâng cao thực chất chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, bảo đảm thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Chỉ tiêu kế hoạch tỷ lệ học sinh nghỉ bỏ học, chưa hoàn thành chương trình lớp học cấp tiểu học toàn trường, năm học 2024-2025 như sau:

Tỷ lệ HS bỏ học: 0%

Tỷ lệ HSDTTS bỏ học: 0%

Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học: $\geq 99,5\%$

Tỷ lệ HS DTTS hoàn thành chương trình lớp học: $\geq 99\%$.

b) Thực hiện hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Tiếp tục duy trì việc tự đánh giá và triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng sau kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ GDĐT.

6. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật

Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật, xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật tại địa phương theo Luật Người khuyết tật 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật. Tăng cường giáo dục hòa nhập. Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, được học hòa nhập, được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc tổ chức dạy học cho học sinh khuyết tật phải được thực hiện trên cơ sở kế hoạch giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh khuyết tật. Tổ chức tập huấn cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật học hoà nhập.

7 . Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số.

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030” phù hợp với kế hoạch, đề án triển khai thực hiện tại địa phương. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng cho đội ngũ giáo viên bảo đảm tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển

khai dưới hình thức trực tuyến (tổ chức các tiết dạy học, các hoạt động giáo dục, tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn... bằng hình thức trực tuyến) đạt từ 2% đến 5% ở cấp tiểu học; khuyến khích duy trì phương thức dạy học trực tuyến đối với một số hoạt động giáo dục; chuẩn bị các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức dạy học trực tiếp.

Thực hiện thí điểm một số nội dung chuyển đổi số (Thư viện số, Quản lý hồ sơ chuyên môn trên môi trường số, Kho học liệu số) theo kế hoạch của Bộ GDĐT, Sở GDĐT. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin; bồi dưỡng đội ngũ về kỹ năng công nghệ thông tin sẵn sàng triển khai thực hiện các nội dung cụ thể về chuyển đổi số theo kế hoạch.

b) Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học thông qua dạy học môn Tin học, tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

c) Triển khai Học bạ số

Thực hiện triển khai chất lượng, hiệu quả Học bạ số từ năm học 2024-2025 theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT và thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo.

8. Đẩy mạnh phối hợp với CMHS; Tăng cường công tác truyền thông về giáo dục cụ thể là truyền thông và tiếp cận dần mô hình trường học thông minh, thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

- Nhà trường luôn phối kết hợp chặt chẽ với Ban Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc giáo dục học sinh, lấy ý kiến của phụ huynh trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục và xây dựng cảnh quan trường lớp từ các nguồn kinh phí vận động tài trợ. Vận động kịp thời các trường học khó khăn có nguy cơ bỏ học.

- Trên cơ sở kế hoạch thực hiện trường học thông minh thí điểm của ngành, nhà trường tăng cường công tác truyền thông về giáo dục, tổ chức các hình thức tuyên truyền, vận động trong cán bộ, giáo viên và học sinh, phụ huynh học sinh và nhân dân hiểu nhận

thức rõ tầm quan trọng, tác dụng của mô hình “lớp học thông minh - trường học thông minh”, tổ chức tiếp cận, thực hiện từng bước căn cứ theo từng mức độ. Đặc biệt việc bồi dưỡng cho đội ngũ về kiến thức kỹ năng tin học và sử dụng thiết bị dạy học hiện đại; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị dạy và học từ các nguồn ngân sách tiết kiệm được, nguồn xã hội hóa theo hình thức tự nguyện đóng góp và các nguồn hỗ trợ ủng hộ khác.

Năm học 2024 – 2025 nhà trường tiếp tục triển khai và tổ chức thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 100%, chú trọng tuyên truyền, phối hợp triển khai và hướng dẫn, hỗ trợ cho tất cả CMHS của các lớp thực hiện việc đóng góp các khoản bằng hình thức chuyển khoản không thu tiền mặt.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng.

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, đẩy mạnh việc thực hiện phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ cho các bộ phận, các tổ chuyên môn, xã hội hoá giáo dục; thực hiện Quy chế công khai theo Thông tư số 09/2024/TT- BGDDT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Tiếp tục thực hiện việc giao quyền chủ động cho giáo viên trong việc “chủ động cụ thể hóa phân phối chương trình học tập của học sinh phù hợp với từng lớp học cụ thể, đảm bảo yêu cầu giáo dục học sinh tiểu học và yêu cầu nhiệm vụ quy định trong chương trình tiểu học”.

- Thống nhất thực hiện việc kiểm tra hồ sơ sổ sách, kế hoạch bài dạy của giáo viên qua việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, quán triệt thực hiện Chỉ thị 138/CT-BGDĐT ngày 18 tháng 1 năm 2019 về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường để giáo viên có nhiều thời gian tập trung vào nhiệm vụ đổi mới hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học; bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý, xây dựng và triển khai các phần mềm quản lý, kết nối liên thông dữ liệu với phần mềm cơ sở.

- Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đạo đức nhà giáo và Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo; thực hiện đúng quy chế làm việc và văn hóa công sở, tạo điều kiện và tổ chức các khóa học cho GV lấy chứng chỉ chức danh nghề nghiệp, trình độ Tin học, Ngoại ngữ để đủ tiêu chuẩn theo Thông tư Liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.

- Phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về chất lượng, chuẩn bị tốt nguồn nhân lực cho việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp học.

- Triển khai công tác bồi dưỡng giáo viên theo Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học ban hành theo Thông tư số 32/2011/TT- BGDDT ngày 08/8/2011 và Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học ban hành theo Thông tư số 26/2012/TT-BGDDT.

2. Phó Hiệu trưởng

- Triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động trải nghiệm, các hoạt động ngoài giờ lên lớp; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, hỗ trợ học sinh còn hạn chế và các hoạt động khác trong kế hoạch giáo dục đã nêu.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn lập kế hoạch giáo dục của tổ, hướng dẫn, triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục có hiệu quả.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục của các tổ, giáo viên, các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Duyệt tất cả các hoạt động tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các cuộc Hội thảo, chuyên đề cấp trường, cấp tổ tổ chức trong năm học.

3. Tổ trưởng chuyên môn

Tham mưu cho chuyên môn xây dựng Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp của tổ chuyên môn.

Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên công tác tự bồi dưỡng, bồi dưỡng chuyên môn của giáo viên trong tổ.

Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn của tổ khối bám theo Quy chế chuyên môn đã xây dựng.

Kiểm tra, giám sát, tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá giáo viên trong tổ khối.

Thực hiện theo công văn số 1315/BGDDT-GDTH, ngày 16/04/2020. Tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn: nội dung sinh hoạt chuyên môn phải thể hiện rõ trong các nghị quyết họp tổ, nhóm. Thực hiện sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn 2 tuần/ lần;

Tăng cường sinh hoạt tổ (nhóm) chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học và tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo trường, cụm trường. Tăng cường hoạt động dự giờ thăm lớp trong năm học 2024-2025; đảm bảo nề nếp, chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

Tổ trưởng chuyên môn kiểm tra kế hoạch dạy học 1 tuần một lần vào ngày thứ sáu trước 1 tuần thực dạy. Tổ trưởng chuyên môn kiểm tra kế hoạch dạy học của GV phải có nhận xét đầy đủ, chịu trách nhiệm về nội dung mình kiểm tra. Thực hiện nghiêm túc việc phân tích giờ dạy khi dự giờ sau mỗi tiết học.

Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học. Mỗi tổ chuyên môn thực hiện tối thiểu 02 chuyên đề/năm học về dạy học theo hướng nghiên cứu bài học. Vận dụng các chuyên đề này một cách thiết thực nhằm đẩy mạnh chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

4. Tổng phụ trách đội

Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Lập kế hoạch, cụ thể hóa kế hoạch, nội dung hoạt động thực hiện tiết SHTT theo chủ điểm, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, SHDC, câu lạc bộ... trình chuyên môn phê duyệt.

Kết hợp với GVCN, giáo viên thư viện tổ chức các hoạt động ngoại khóa, chuyên đề, các hoạt động rèn kỹ năng sống cho học sinh, tổ chức các hoạt động thu hút bạn đọc đến với thư viện xanh.

5. Giáo viên chủ nhiệm

- Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; thường xuyên cập nhật những chỉ đạo của ngành; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá học sinh theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác.

- Chịu trách nhiệm trước BGH về chất lượng của lớp, môn giảng dạy.

- Phối hợp Tổng phụ trách Đội, phụ huynh tham gia các hoạt động Trải nghiệm.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đổi mới trong các hoạt động dạy và học, xây dựng kế hoạch bài học theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học; rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ. Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề do các cấp tổ chức.

- Phối kết hợp chặt chẽ với CMHS trong công tác quản lý, giáo dục học sinh.

Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại lớp mình phụ trách.

6. Giáo viên phụ trách môn học

Triển khai, thực hiện giảng dạy môn học theo chỉ đạo của chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch cá nhân, phối hợp GVCN lớp xây dựng thời khóa biểu..

Phối hợp với GVCN, tổng phụ trách đội tổ chức, triển khai các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khoá...

Thực hiện và chấp hành nghiêm túc quy chế chuyên môn. Đổi mới phương pháp dạy học. Phối kết hợp chặt chẽ với GVCN trong công tác quản lý, giáo dục học sinh....

Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại các lớp mình giảng dạy bộ môn.

7. Nhân viên

Xây dựng kế hoạch cá nhân, triển khai, thực hiện nhiệm vụ của bản thân theo sự phân công của Hiệu trưởng; chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế làm việc của nhà trường...

Phối kết hợp chặt chẽ với tổ chức, cá nhân trong nhà trường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường tiểu học Tân Đồng. Kế hoạch này đã được Hội đồng trường, tập thể CB-GV-NV nhà trường đóng góp ý kiến, chỉnh sửa và đi đến thống nhất cao trước khi ban hành. Đây là cơ sở để Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, đoàn thể xây dựng kế hoạch chi tiết, khả thi, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2024-2025. Trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các bộ phận, cá nhân chủ động báo cáo Hiệu trưởng để được hướng dẫn, điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- BGH nhà trường;
- Website:trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thanh Mai

PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ

Kế hoạch này đã được thông qua Phòng GD&ĐT ngày /10/2024.

PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ
Kế hoạch này đã được thông qua Phòng GD&ĐT ngày/...../2024.

